

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Các hoạt động đo đạc và bản đồ không nêu trong quy định này, thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ, các cơ quan có liên quan, các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Không áp dụng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động đo đạc và bản đồ nhằm mục đích phục vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đo đạc và bản đồ là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị, phương pháp để thu nhận, xử lý thông tin nhằm xác định các đặc trưng hình học và thông tin thuộc tính của các đối tượng địa lý ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian và biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu theo các quy tắc toán học nhất định.

2. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở là toàn bộ các điểm có dấu mốc cố định trên mặt đất nhằm xác định giá trị của đại lượng thuộc các thể loại: Tọa độ, độ cao, độ sâu, trọng lực, thiên văn, vệ tinh tại các điểm đó để làm gốc đo đạc cho từng khu vực. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất, phục vụ nhu cầu sử dụng chung cho tất cả các ngành và địa phương, bao gồm: Lưới tọa độ quốc gia, lưới độ cao quốc gia, hệ thống trạm định vị vệ tinh quốc gia và hệ thống trọng lực quốc gia. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập phục vụ nhu cầu riêng của từng ngành hoặc từng địa phương.

3. Hệ quy chiếu là hệ thống tọa độ toán học trong không gian và trên mặt phẳng để biểu thị lên đó các kết quả đo đạc và bản đồ. Hệ quy chiếu quốc gia là hệ quy chiếu được lựa chọn để sử dụng thống nhất trong cả nước.

4. Hệ thống không ảnh là tập hợp dữ liệu ảnh chụp, dữ liệu quét laser địa hình bề mặt trái đất từ các thiết bị đặt trên máy bay (ảnh máy bay) và trên vệ tinh hoặc tàu vũ trụ (ảnh vệ tinh), bao gồm: Hệ thống không ảnh cơ bản và hệ thống không ảnh chuyên dụng.

5. Hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản là việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thành lập các sản phẩm đo đạc và bản đồ đáp ứng nhu cầu sử dụng chung cho các ngành và các địa phương.

6. Hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành là các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ riêng cho yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương.

7. Trích đo địa chính là đo vẽ lập bản đồ địa chính của một khu đất hoặc thửa đất.

8. Sản phẩm đo đạc và bản đồ là kết quả của các hoạt động đo đạc và bản đồ.

9. Công chức địa chính cấp xã: Là công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã).

Điều 3. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ

1. Khi xây dựng hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống các loại bản đồ, hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được quy định tại Điều 9 của Quy định này phải được thiết lập trên hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

2. Những công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở hệ quy chiếu và hệ tọa độ HN-72 hoặc hệ tọa độ, độ cao chuyên ngành khác trước khi sử dụng phải chuyển kết quả sang hệ quy chiếu và hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hoạt động đo đạc và bản đồ phải bảo đảm cung cấp dữ liệu địa lý phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao dân trí và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

2. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, phải được sử dụng và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

3. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản phải được cập nhật thường xuyên và kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. 4. Việc thành lập các sản phẩm bản đồ chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành phải sử dụng các lớp thông tin nền của bản đồ địa hình quốc gia, cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia.

5. Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ và thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Công nghệ đo đạc và thành lập bản đồ

Bản đồ phải được thành lập bằng công nghệ số, sử dụng phần mềm theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và của các Bộ, Ngành chủ quản, đảm bảo thuận tiện cho việc lưu trữ, cập nhật, cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 6. Quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, đơn vị, cá nhân đo đạc và bản đồ chỉ được nhận thầu thực hiện những công trình tương ứng với danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép, phải thi công đúng dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và dự toán hoặc phương án thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng quy phạm, quy trình đo đạc và bản đồ và hợp đồng được ký kết; phải chịu sự giám sát và kiểm tra chất lượng của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý Nhà nước phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

3. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Nếu xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không được sử dụng để giải quyết những công việc mang tính pháp lý, không được treo tại nơi công sở và văn phòng.

Điều 7. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các tổ chức khi hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 8 Quy định này phải có giấy phép do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Các tổ chức có nhu cầu hoạt động đo đạc và bản đồ có đủ điều kiện chuyên môn, kỹ thuật về đo đạc và bản đồ đều được thẩm định năng lực để cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

3. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ (gọi tắt là Nghị định số 45/2015/NĐ-CP); thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP; trường hợp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP; trường hợp gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP; trường hợp cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP.

4. Các tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ phải thực hiện nộp phí thẩm định theo quy định tại Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

5. Đối với các hoạt động đo đạc và bản đồ liên quan đến công tác khảo sát xây dựng thì việc cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng theo quy định tại

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 8. Danh mục các hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ phải có giấy phép

1. Khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ.
2. Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.
3. Xây dựng lưới trọng lực, thiên văn, tọa độ, độ cao.
4. Chụp ảnh, quét địa hình từ máy bay.
5. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình.
6. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính.
7. Thành lập bản đồ hành chính.
8. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính.
9. Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ.
10. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý.
11. Thành lập bản đồ chuyên đề; át-lát địa lý.
12. Khảo sát địa hình; đo đạc công trình.
13. Kiểm định các thiết bị đo đạc.

Điều 9. Hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh

1. Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ riêng cho yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương, bao gồm:
 - a) Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng.
 - b) Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng.
 - c) Thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính, thành lập bản đồ hành chính cấp huyện.
 - d) Thành lập bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng.
 - đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên dụng.
 - e) Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
2. Các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 1 Điều này phục vụ riêng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

3. Ngoài các hoạt động đo đạc và bản đồ quy định tại khoản 1, 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 7 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 10. Kinh phí thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương do ngân sách Nhà nước bảo đảm.
2. Kinh phí hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

3. Không được cho mượn, cho thuê giấy phép.

4. Báo cáo bằng văn bản với Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường khi thay đổi kỹ thuật trường hoặc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

5. Định kỳ hàng năm, báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, thời hạn báo cáo chậm nhất vào ngày 10 tháng 01 của năm sau; báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo.

Điều 12. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Trách nhiệm của cơ quan quyết định đầu tư:

a) Tổ chức thực hiện hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thẩm định hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, chất lượng hạng mục công trình; thẩm định hồ sơ quyết toán và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

b) Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc đối với công nghệ chưa có quy định kỹ thuật; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật khi thay đổi giải pháp công nghệ dẫn đến làm tăng giá trị dự toán vượt quá giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng dẫn đến tổng giá trị vượt quá 5% (năm phần trăm) so với tổng giá trị dự toán đã được phê duyệt hoặc khối lượng phát sinh của từng hạng mục thành phần vượt quá 10% (mười phần trăm) so với khối lượng đã được phê duyệt; giải quyết việc kéo dài tiến độ thi công công trình so với tiến độ thi công đã được phê duyệt. Đối với các Dự án Chính phủ quyết định đầu tư tuân thủ theo quy chế quản lý Dự án riêng.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện đối với các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao;

b) Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ đã có quy định kỹ thuật; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật khi thay đổi giải pháp công nghệ nhưng không làm tăng giá trị dự toán so với giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng nhưng không làm giá trị vượt quá 5% (năm phần trăm) so với tổng giá trị dự toán đã được phê duyệt trong đó khối lượng phát sinh của từng hạng mục thành phần không được vượt quá 10% (mười phần trăm) so với khối lượng đã được phê duyệt. Đối với các Dự án Chính phủ quyết định đầu tư tuân thủ theo quy chế quản lý Dự án riêng;

c) Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình;

d) Tổ chức thực hiện việc giám sát công trình, kiểm tra chất lượng, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao làm chủ đầu tư; sử dụng tổ chức chuyên môn kỹ thuật của mình hoặc thuê nhóm chuyên gia kỹ thuật hoặc thuê đơn vị kiểm tra chất lượng để thực hiện công tác kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ cấp chủ đầu tư;

đ) Quyết định đình chỉ thi công, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đang thi công không đúng dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các tiêu chuẩn đã được quy định áp dụng trong các dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định kỹ thuật và báo cáo bằng văn bản đến cơ quan quyết định đầu tư;

e) Lập báo cáo gửi cơ quan quyết định đầu tư về chất lượng, khối lượng, tiến độ các hạng mục công trình, sản phẩm đã hoàn thành trong năm và khi kết thúc toàn bộ công trình;

g) Đối với các thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc bản đồ địa chính thì chủ đầu tư có trách nhiệm thuê đơn vị kiểm tra chất lượng (trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ;

h) Đối với các phương án thi công trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính thì chủ đầu tư có trách nhiệm thuê đơn vị kiểm tra chất lượng hoặc đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ:

a) Các đơn vị tư vấn được cấp giấy phép đo đạc và bản đồ trong đó có nội dung kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được chủ đầu tư thuê hoặc được giao nhiệm vụ để thực hiện công tác kiểm tra chất lượng, khối lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ phải có trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo quy định tại Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ và Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã kiểm tra, nghiệm thu.

4. Trách nhiệm của đơn vị thi công:

a) Chỉ được thực hiện các hợp đồng đo đạc và bản đồ phù hợp với nội dung được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. Thực hiện thi công đúng dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt, đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có);

b) Thực hiện kiểm tra toàn diện và chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng, tiến độ công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do đơn vị mình thi công; trường hợp công trình, sản phẩm chưa đảm bảo chất lượng, khối lượng theo yêu cầu thì phải tiếp tục hoàn thiện, chi phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện sản phẩm, đơn vị tự trang trải kinh phí;

c) Chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của cơ quan quyết định đầu tư và chủ đầu tư đối với chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

d) Lập báo cáo về khối lượng, tiến độ đã thực hiện gửi chủ đầu tư trước ngày 25 hàng tháng;

đ) Trường hợp có thay đổi về giải pháp công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt phải báo cáo kịp thời với chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư. Khối lượng phát sinh chỉ được xem xét thanh quyết toán khi có văn bản chấp thuận của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư.

5. Cơ quan Nhà nước được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm cung cấp đúng, đủ và kịp thời các thông tin, tư liệu do mình đang quản lý.

Điều 13. Lập Thiết kế kỹ thuật – Dự toán công trình đo đạc và bản đồ; phương án thi công trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính

1. Nguyên tắc lập Thiết kế kỹ thuật – Dự toán công trình, Dự án đo đạc và bản đồ.

- Các công trình, Dự án đo đạc và bản đồ phải lập Thiết kế kỹ thuật – Dự toán trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện;

- Chủ đầu tư sử dụng đơn vị trực thuộc hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện và năng lực được Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình đo đạc và bản đồ để lập Thiết kế kỹ thuật – Dự toán;

- Việc lập dự toán kinh phí phải dựa trên đơn giá đo đạc và bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; Trường hợp chưa có đơn giá để áp dụng, dự toán kinh phí phải lập theo định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành và trình Sở Tài chính thẩm định.

2. Căn cứ lập Thiết kế kỹ thuật – Dự toán

a) Phạm vi nhiệm vụ của dự án;

b) Các tài liệu trắc địa, bản đồ hiện có, chất lượng các tài liệu;

c) Báo cáo khảo sát khu vực có dự án về mức độ khó khăn, khả năng sử dụng các tài liệu trắc địa bản đồ hiện có;

d) Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về đo đạc và bản đồ do các bộ, ngành ban hành;

e) Đơn giá đo đạc, thành lập bản đồ do UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành;

f) Các văn bản về định mức kinh tế - kỹ thuật và lập dự toán kinh phí về đo đạc và bản đồ do các bộ, ngành ban hành.

3. Nội dung của Thiết kế kỹ thuật –Dự toán

- a) Sự cần thiết phải đo đạc, thành lập bản đồ;
- b) Cơ sở pháp lý, các văn bản sử dụng trong thiết kế và thi công;
- c) Mục đích, yêu cầu, phạm vi của dự án;
- d) Đặc điểm địa hình, tình hình kinh tế xã hội của địa phương nơi thực hiện dự án;
- e) Hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ địa giới hành chính, các tư liệu ảnh và các tài liệu, bản đồ khác;
- f) Thiết kế và giải pháp kỹ thuật từ tổng thể đến chi tiết cho từng hạng mục;
- g) Kế hoạch thực hiện;
- h) Quy định về công tác kiểm tra nghiệm thu, giao nộp sản phẩm;
- i) Tổng hợp các hạng mục công việc, phân loại khó khăn;
- j) Dự toán kinh phí.

4. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất không phải lập Thiết kế kỹ thuật –Dự toán nhưng phải lập phương án thi công và được cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất để thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đối với các trường hợp đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải lập kế hoạch thực hiện hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng đất không sử dụng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo hợp đồng dịch vụ, không phải lập phương án thi công. Nội dung chính của phương án thi công bao gồm:

- a) Căn cứ lập phương án;
- b) Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- c) Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;
- d) Kinh phí thực hiện.

5. Đối với những nơi đã có bản đồ địa chính chính quy, việc lựa chọn trích đo địa chính hoặc chỉnh lý biến động thửa đất cần phải lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố về mức độ biến động đất đai trong phạm vi dự án.

Điều 14. Thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình; phương án thi công trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính

1. Đối với Thiết kế kỹ thuật - Dự toán công trình đo đạc bản đồ địa chính, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch đầu tư thẩm định; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đối với phương án thi công trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính sử dụng nguồn vốn ngân sách: Do Sở Tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm thẩm định (chủ đầu tư trình Sở Tài chính phê duyệt giá vật tư, vật liệu, dụng cụ, thiết bị sử dụng trong việc tính toán kinh phí trước khi lập phương án); căn cứ kết quả thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, chủ đầu tư trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt phương án.

3. Đối với các dự án, công trình đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác:

a) Trường hợp sử dụng nguồn vốn ngân sách: Do các Sở, chuyên ngành chịu trách nhiệm thẩm định dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, trên cơ sở ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ trong trường hợp đo đạc mới hoặc trích đo bản đồ địa chính, bản đồ địa hình (nếu có); căn cứ kết quả thẩm định chủ đầu tư trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt;

b) Trường hợp không sử dụng vốn ngân sách: Cơ quan quyết định đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định và phê duyệt.

4. Sau khi cơ quan quyết định đầu tư ban hành quyết định phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình hoặc phương án thi công thì chủ đầu tư mới được phép triển khai thực hiện các nội dung công việc về đo đạc và bản đồ.

Điều 15. Tổ chức thực hiện dự án đo đạc và bản đồ

1. Căn cứ vào Thiết kế kỹ thuật – Dự toán của dự án đã được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện và năng lực tham gia thực hiện dự án đo đạc và bản đồ bằng hình thức đấu thầu, đặt hàng hay giao kế hoạch theo quy định của Nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức có đủ năng lực, được Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thì được tham gia thực hiện dự án đo đạc và bản đồ và chỉ được nhận thầu thực hiện những công trình tương ứng với điều kiện và năng lực được phép hành nghề.

3. Đơn vị thực hiện thi công công trình đo đạc và bản đồ có trách nhiệm tổ chức thi công theo đúng Thiết kế kỹ thuật – Dự toán đã được phê duyệt, tuân thủ quy trình, quy phạm, đảm bảo tiến độ thực hiện và chịu sự giám sát, kiểm tra chất lượng của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

Điều 16. Kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Đơn vị thi công sử dụng lực lượng chuyên môn kỹ thuật của mình để thực hiện việc kiểm tra tiến độ thi công; kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng từng hạng mục và chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do đơn vị thực hiện trước chủ đầu tư.

2. Chủ đầu tư sử dụng cơ quan chuyên môn về đo đạc và bản đồ của mình để thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trước cơ quan quyết định đầu tư.

Trường hợp chủ đầu tư không có cơ quan chuyên môn đủ điều kiện và năng lực để thực hiện các công việc trên thì thuê tư vấn có đủ điều kiện và năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện.

3. Cơ quan, tổ chức được Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thì được thực hiện kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm tra.

Điều 17. Thẩm định Hồ sơ nghiệm thu

1. Cơ quan quyết định đầu tư hoặc cơ quan được cơ quan quyết định đầu tư ủy quyền có trách nhiệm thực hiện việc thẩm định Hồ sơ nghiệm thu trên cơ sở kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ, chính xác của Hồ sơ nghiệm thu và lập Bản xác nhận khối lượng, chất lượng công trình, sản phẩm đã hoàn thành.

2. Đối với dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán mà cơ quan quyết định đầu tư quyết định cần kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu lại khối lượng, chất lượng công trình, sản phẩm thì phải thực hiện lập và thông báo kế hoạch, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu cho chủ đầu tư và thực hiện đúng theo kế hoạch đã thông báo. Sau khi kết thúc công tác kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, giám sát thi công, các bên có liên quan phải lập Biên bản kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, giám sát thi công. Nội dung Biên bản do các bên thống nhất. Biên bản này được lưu trong Hồ sơ nghiệm thu. Nếu sau 10 (mười) ngày làm việc tính từ ngày cơ quan quyết định đầu tư dự kiến sẽ tổ chức kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm mà các cơ quan này không có thông báo về thời gian tổ chức thực hiện thì được coi là không tiến hành kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm như đã dự kiến.

Điều 18. Quyết toán công trình, sản phẩm

1. Lập Hồ sơ quyết toán:

Sau khi có Bản xác nhận khối lượng, chất lượng công trình, sản phẩm đã hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập Hồ sơ quyết toán công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ. Hồ sơ quyết toán được lập theo quy định tại Điều 20, Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

2. Thẩm định Hồ sơ quyết toán:

Cơ quan quyết định đầu tư hoặc cơ quan được cơ quan quyết định đầu tư ủy quyền có trách nhiệm thực hiện việc thẩm định Hồ sơ quyết toán trên cơ sở kiểm tra tính đầy đủ, tính hợp lệ của Hồ sơ quyết toán và giá trị thực hiện công trình, sản phẩm theo các chế độ tài chính hiện hành.

Điều 19 . Kinh phí kiểm tra, nghiệm thu

Kinh phí kiểm tra chất lượng, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được xác định trong dự toán của công trình đo đạc và bản đồ do chủ đầu tư chi trả cho đơn vị kiểm tra, nghiệm thu.

Điều 20. Giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành

1. Sau khi hoàn thành dự án, công trình đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thi công thực hiện giao nộp sản phẩm của các hạng mục công trình đã được nghiệm thu xác nhận chất lượng, khối lượng theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời giao nộp 01 (một) bộ tài liệu, sản phẩm (in trên giấy và sản phẩm dạng file số lưu trữ trong đĩa CD) cho Sở Tài nguyên và Môi trường để lưu trữ nhà nước về đo đạc và bản đồ của tỉnh. Các tài liệu và sản phẩm thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ bàn giao thực

hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

2. Sản phẩm giao nộp phải được thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư, thủ trưởng đơn vị thi công, đơn vị kiểm định chất lượng và các cấp có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật liên quan ký tên, đóng dấu xác nhận.

3. Các sản phẩm giao nộp và cơ quan lưu trữ sản phẩm được quy định trong dự án, phương án, thiết kế kỹ thuật - dự toán.

4. Công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ được công nhận hoàn thành và được thanh quyết toán kinh phí khi có Biên bản bàn giao sản phẩm theo quy định.

Chương III **CUNG CẤP, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN,** **DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Điều 21. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Được khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ vào hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích khi đề nghị cung cấp; không được sao lại hoặc chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác.

3. Khi sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được cung cấp để thành lập các bộ dữ liệu thứ cấp với mục đích thương mại thì phải được sự đồng ý của cơ quan cung cấp.

4. Không sử dụng thông tin, dữ liệu bản đồ được cung cấp để kết nối thành khu vực thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

5. Không được mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc loại Tối mật, loại Mật, loại không xuất bản trừ trường hợp đặc biệt được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước cho phép.

6. Phải nộp phí sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 22. Quản lý, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ không thuộc phạm vi bí mật nhà nước được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhu cầu sử dụng.

2. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam do cấp Cục trưởng (hoặc tương đương) ở các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và Giám đốc Sở (hoặc tương đương) ở địa phương duyệt.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật chỉ được cung cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ

trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, người đứng đầu các cơ quan của Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan của Trung ương Đảng, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

4. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được cấp có thẩm quyền duyệt cho phép theo quy định tại Khoản 4, Điều 25, Nghị định 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

5. Việc quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm cung cấp, xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu về đo đạc bản đồ về hệ thống điểm đo đạc cơ sở, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính cấp huyện, các loại bản đồ chuyên đề, cơ sở dữ liệu địa lý và hệ thống thông tin địa lý phục vụ cho mục đích chuyên dụng trên địa bàn tỉnh và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao theo quy định của pháp luật.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phát hành và đăng tải danh mục thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định tại khoản 6 Điều này trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình. Danh mục thông tin, dữ liệu phải được cập nhật hàng năm.

Điều 23. Quy định về danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật về đo đạc và bản đồ

1. Dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật:

a) Tọa độ các điểm cơ sở quốc gia hạng II trở lên tạo thành mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh kèm theo các ghi chú điểm;

b) Tài liệu điều tra, khảo sát về đường biên giới quốc gia chưa được công bố.

2. Dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật:

a) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia bao gồm: Tọa độ gốc trắc địa, tọa độ gốc thiên văn, tọa độ gốc vệ tinh, giá trị gốc trọng lực tuyệt đối, giá trị gốc độ cao, giá trị gốc độ sâu;

b) Phim, ảnh hàng không bao gồm phim, ảnh hàng không kỹ thuật số và sản phẩm quét phim, ảnh hàng không kèm theo số liệu xác định tọa độ tâm ảnh có số lượng từ liên kết bằng diện tích lớn hơn 200km² ở thực địa;

c) Bản đồ địa hình dạng giấy, dạng số và cơ sở dữ liệu nền địa lý các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, có diện tích liên kết lớn hơn 200 km²;

d) Tài liệu đo đạc và bản đồ của khu vực, mục tiêu, đối tượng trong diện bảo mật.

Điều 24. Thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ

1. Việc thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

2. Việc thành lập các loại sản phẩm bản đồ chuyên đề phải dựa vào các lớp thông tin nền lấy từ hệ thống bản đồ nền, bản đồ địa hình quốc gia, bản đồ hành chính do cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ thành lập, trong trường hợp cần sử dụng thông tin nền khác phải được sự đồng ý của Sở Tài nguyên và Môi trường Lạng Sơn.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 25. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 26. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch dài hạn các dự án về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ và của các Bộ, ngành khác.

3. Thẩm định năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

4. Tổ chức triển khai thành lập hệ thống bản đồ địa chính và các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ được giao theo thẩm quyền.

5. Quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ theo quy định về hệ thống điểm đo đạc cơ sở, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính cấp huyện, các loại bản đồ chuyên đề, cơ sở dữ liệu địa lý và hệ thống thông tin địa lý phục vụ cho mục đích chuyên dụng của địa phương và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ khác do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ theo quy định.

6. Thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của hạng mục đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách Nhà nước do các Sở, ngành thực hiện trong trường hợp đo đạc mới hoặc trích đo bản đồ địa chính, bản đồ địa hình.

7. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc bản đồ địa chính; phương án thi công trích đo địa chính, chỉnh lý thửa đất; các công trình đo đạc và bản đồ của ngành tài nguyên môi trường.

8. Kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ địa chính, trích đo địa chính, chỉnh lý thửa đất.

9. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh; phát hiện các vi phạm, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

10. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh thuộc địa phương; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật.

11. Thống kê, cập nhật về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ hiện trạng sử dụng công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 hàng năm.

Điều 27. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của bộ, ngành chủ quản, xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn về đo đạc và bản đồ chuyên ngành áp dụng phù hợp với quy định của Trung ương và của tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, dự án có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành;

3. Gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước đối với các trường hợp phải đo đạc mới hoặc trích đo bản đồ địa chính, bản đồ địa hình;

4. Chủ trì thẩm định các dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán và tổ chức kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành theo quy định;

5. Thực hiện việc quản lý, bàn giao, sử dụng, cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định;

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và quản lý đầu mối đo đạc cơ sở chuyên dụng thuộc chuyên ngành của mình.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Tổ chức tuyên truyền và giáo dục mọi công dân có ý thức tham gia bảo quản, giữ gìn các công trình xây dựng đo đạc. Chỉ đạo cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a) Theo dõi, giám sát những hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo đúng quy định.

b) Tham gia, phối hợp trong việc kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo thẩm quyền những hành vi xâm hại đến các công trình xây dựng đo đạc, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái với quy định.

d) Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính đối với các dự án Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, các công trình trích đo địa chính, chỉnh lý thửa đất.

đ) Kiểm tra, xem xét hiện trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, dấu mốc đo đạc phải di dời hoặc hủy bỏ trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định để phục vụ công tác quản lý đất đai của địa phương.

f) Báo cáo hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất là ngày 15 tháng 01 hằng năm.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật của Nhà nước về đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo thẩm quyền.

2. Quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm hại các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn cấp xã; Khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, mốc giới phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo về Phòng Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản;

3. Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để giải quyết.

4. Theo dõi các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn quản lý, nếu phát hiện đơn vị thi công đo đạc đang thi công trên địa bàn mà không có thông báo thi tiến hành lập biên bản và báo cáo cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để xử lý theo quy định.

5. Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thi công đo đạc khi có yêu cầu và cử công chức địa chính cấp xã, cán bộ thôn, khối phố để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất.

6. Có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị thi công đo đạc trong việc triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, ký xác nhận hiện trạng sử dụng đất, xác nhận tình trạng pháp lý sử dụng đất trên địa bàn quản lý.

7. Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định để phục vụ công tác cập nhật, chỉnh lý một cách kịp thời.

8. Thống kê, cập nhật hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn cấp xã và báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình trong việc sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc

1. Các tổ chức, cá nhân khi sử dụng công trình xây dựng đo đạc có trách nhiệm:

- a) Liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để được chỉ dẫn;
- b) Trong quá trình sử dụng phải giữ gìn, bảo vệ, không làm hư hỏng dấu mốc đo đạc, sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu;
- c) Không được làm hỏng, phá hủy, tự ý di chuyển hoặc cản trở việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng đo đạc;
- d) Thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi phát hiện công trình xây dựng đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại.

2. Chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có công trình xây dựng đo đạc có trách nhiệm:

- a) Phải bảo vệ, không được làm hư hỏng, hủy hoại hoặc cản trở việc khai thác sử dụng công trình xây dựng đo đạc trong quá trình sử dụng đất và công trình;
- b) Khi có công trình kiến trúc mới được xây dựng trên thửa đất liền kề làm ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng công trình xây dựng đo đạc thì phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết để có biện pháp duy trì, bảo vệ;
- c) Trường hợp cải tạo, tu sửa hoặc xây dựng mới công trình có thể làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc thì chủ sử dụng đất có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để có biện pháp bảo vệ dấu mốc đo đạc;
- d) Trường hợp phải di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc có trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc thì chủ sử dụng đất phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết. Việc di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc;
- đ) Kinh phí di dời, khôi phục dấu mốc đo đạc do chủ đầu tư công trình, dự án chi trả;
- e) Trường hợp tự ý hủy hoại công trình xây dựng đo đạc thì chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc trong trường hợp phải di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình xin di dời hoặc hủy bỏ công trình xây dựng đo đạc do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình biết.

2. Cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc di dời, khôi phục các công trình xây dựng đo đạc bị hư hỏng.

3. Kết quả hủy bỏ hoặc di dời công trình xây dựng đo đạc phải được cập nhật vào hồ sơ các tài liệu liên quan đến công trình xây dựng đo đạc lưu trữ tại cơ quan quản lý.

Điều 32. Quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ, thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ thuộc quyền sở hữu của Nhà nước vào sản phẩm của mình theo quy định của pháp luật.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

3. Có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Nhà nước khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

6. Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

7. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành hoặc thu hồi: Các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật xuất bản.

8. Các tổ chức, cá nhân có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi thực hiện hoạt động trên địa bàn tỉnh phải thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã những nội dung thực hiện.

Điều 33. Chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ

Cơ quan quản lý Nhà nước về đo đạc và bản đồ; tổ chức được cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận được đơn khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm giải quyết theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 35. Xử lý vi phạm

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ và quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn, có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản của cấp trên ban hành mà nội dung trong Quy định này không còn phù hợp thì áp dụng văn bản của cấp trên.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cấp, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Thương